

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã Cao Minh
Quý II (lũy kế 6 tháng) năm 2026

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ CAO MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1255/QĐ-UBND ngày 19/12/2025 của UBND xã Cao Minh về việc phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 xã Cao Minh;

Theo đề nghị của Phòng Kinh tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã Cao Minh Quý II (lũy kế 6 tháng) năm 2026 chi tiết theo các biểu đính kèm Quyết định này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

- Văn phòng HĐND và UBND xã tổ chức công bố tại kỳ họp Ủy ban nhân dân xã gần nhất và thực hiện niêm yết tại trụ sở làm việc của UBND xã.

- Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã đăng tải trên trang thông tin điện tử của xã.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã, Trưởng Phòng Kinh tế, Thủ trưởng các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- Như Điều 3 (T/h);
- Sở Tài chính (b/c);
- TT ĐU, HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Ủy ban MTTQVN xã;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc xã;
- Lãnh đạo VP;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Ma Văn Tuấn

TÌNH HÌNH CÂN ĐỐI NSDP QUÝ II NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 849/QĐ-UBND ngày 06/7/2026 của UBND xã Cao Minh)

Đơn vị: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước 6 tháng so sánh (%)	
			Quý II	Lũy kế 6 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm trước
A	B	I	2	3	4=3/I	5
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	1.600.000.000	771.640.330	2.020.731.817	126%	
I	Thu nội địa	1.600.000.000	771.640.330	1.938.669.817	121%	
II	Thu từ dầu thô					
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu					
IV	Thu viện trợ					
V	Các khoản huy động, đóng góp	0		82.062.000		
B	TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	167.953.000.000	35.361.664.037	156.335.424.512	93%	
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	1.518.000.000	729.698.440	1.888.371.730	124%	
1	Các khoản thu NSDP hưởng 100%	234.000.000	535.525.850	1.642.709.592	702%	
2	Thuế giá trị gia tăng (phần NSDP hưởng 30%)					
3	Các khoản thu phân chia NSDP theo tỷ lệ %	1.284.000.000	194.172.590	245.662.138	19%	
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	166.435.000.000	31.739.000.000	120.454.060.000	72%	
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	106.851.000.000	26.700.000.000	53.451.000.000	50%	
2	Thu bổ sung có mục tiêu	59.584.000.000	5.039.000.000	67.003.060.000	112%	
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính					
IV	Thu kết dư		2.892.965.597	2.892.965.597		
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang			31.100.027.185		
C	TỔNG CHI NSDP	167.953.000.000	46.556.931.641	79.892.487.364	48%	
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	108.369.000.000	29.586.837.916	55.214.201.677	51%	
1	Chi đầu tư phát triển	2.038.000.000	2.667.195.381	7.951.884.552	390%	
2	Chi thường xuyên	103.638.000.000	23.388.091.856	43.730.766.446	42%	
3	Chi cho vay					
4	Chi viện trợ					
5	Chi trả nợ lãi					
6	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính					
7	Dự phòng NSNN	2.693.000.000				
8	Các nhiệm vụ chi khác					
9	Chi nộp ngân sách cấp trên		3.531.550.679	3.531.550.679		

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước 6 tháng so sánh (%)	
			Quý II	Lũy kế 6 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm trước
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	$4=3/I$	<i>5</i>
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP	871.000.000	72.559.500	144.898.800	17%	
III	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS tỉnh cho NSDP	58.713.000.000	16.897.534.225	24.533.386.887	42%	
IV	Chi chuyển nguồn sang năm sau					

ƯỚC THỰC HIỆN THU NSNN QUÝ II NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 849/QĐ-UBND ngày 06/7/2026 của UBND xã Cao Minh)

Đơn vị: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước Quý II so sánh (%)	
			Quý II	Lũy kế 6 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm trước
A	B	I	2	3	4=3/I	5
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	1.600.000.000	853.702.330	2.020.731.817	126%	
I	Thu nội địa	1.600.000.000	771.640.330	1.938.669.817	121%	
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước	20.000.000		2.669.600	13%	
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn ĐTNN					
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	566.000.000	161.355.709	579.990.091	102%	
4	Thuế thu nhập cá nhân	190.000.000	-21.621.519	149.961.057	79%	
5	Thuế bảo vệ môi trường					
6	Các loại phí, lệ phí	614.000.000	429.443.340	785.448.921	128%	
	<i>Trở: Lệ phí trước bạ</i>	<i>490.000.000</i>	<i>412.517.715</i>	<i>740.363.296</i>	<i>151%</i>	
7	Các khoản thu về nhà, đất	50.000.000	95.506.945	276.010.745	552%	
-	<i>Thuế sử dụng đất nông nghiệp</i>					
-	<i>Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</i>			15.300		
-	<i>Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước</i>		615.045	615.045		
-	<i>Thu tiền sử dụng đất</i>	50.000.000	94.891.900	275.380.400	551%	
-	<i>Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà thuộc sở hữu NN</i>					
8	Thu tiền sử dụng khu vực biển					
9	Thu từ khai thác, xử lý tài sản công xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công					
10	Thu từ hoạt động xổ số					
11	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước, cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, thu tiền sử dụng khu vực biển		4.334.265	4.334.265		
12	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước					
-	<i>Thu hồi vốn NSNN đầu tư tại tổ chức kinh tế</i>					
-	<i>Thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước</i>					
13	Thu quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác					

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước Quý II so sánh (%)	
			Quý II	Lũy kế 6 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm trước
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4=3/I</i>	<i>5</i>
14	Thu khác ngân sách	160.000.000	102.621.590	140.255.138	88%	
II	Thu từ đầu thô					
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu					
1	Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu					
2	Thuế xuất khẩu					
3	Thuế nhập khẩu					
4	Thuế TTĐB thu từ hàng hóa nhập khẩu					
5	Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu					
6	Thuế bổ sung đối với hàng hóa nhập khẩu					
7	Thuế khác					
IV	Thu viện trợ					
V	Các khoản huy động, đóng góp		82.062.000	82.062.000		
B	Hoàn thuế GTGT, thuế TTĐB và các khoản thu khác					
1	Thuế GTGT					
2	Thuế TTĐB					
3	Hoàn các khoản thu khác					
C	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	1.518.000.000	729.698.440	1.888.371.730	124%	
1	Từ các khoản thu phân chia giữa NSTW và NSDP	234.000.000	535.525.850	1.642.709.592	702%	
2	Thuế GTGT (phần NSDP hưởng 30%)					
3	Các khoản thu NSDP hưởng 100%	1.284.000.000	194.172.590	245.662.138	19%	

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NSNN QUÝ II NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 849/QĐ-UBND ngày 06/7/2026 của UBND xã Cao Minh)

Đơn vị: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước Quý II so sánh (%)	
			Quý II	Lũy kế 6 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm trước
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4=3/1</i>	<i>5</i>
	TỔNG CHI NSDP	167.953.000.000	46.556.931.641	79.892.487.364	48%	
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	108.369.000.000	29.586.837.916	55.214.201.677	51%	
I	Chi đầu tư phát triển	2.038.000.000	2.667.195.381	7.951.884.552	390%	
1	Chi đầu tư phát triển theo ngành, lĩnh vực	2.038.000.000	1.044.400.000	1.046.881.775		
2	Chi chương trình mục tiêu quốc gia		1.622.795.381	6.905.002.777		
II	Chi trả nợ lãi					
III	Chi thường xuyên	103.638.000.000	23.388.091.856	43.730.766.446	42%	
	<i>Trong đó:</i>					
	- Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	71.118.000.000	19.532.001.680	34.652.301.140		
	- Chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	696.000.000				
IV	Chi cho vay					
V	Chi viện trợ					
VI	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính					
VII	Dự phòng ngân sách nhà nước	2.693.000.000				
VIII	Chi cải cách tiền lương, tinh giản biên chế					
IX	Các nhiệm vụ chi khác (chi nộp trả cấp trên)		3.531.550.679	3.531.550.679		
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP	871.000.000	72.559.500	144.898.800	17%	
1	Chi đầu tư thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án	271.000.000				
2	Chi thường xuyên thực hiện các chế độ, chính sách	600.000.000	72.559.500	144.898.800		
3	Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia					
C	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NS TỈNH CHO NSDP	58.713.000.000	16.897.534.225	24.533.386.887	42%	

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG, DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU CHO ĐỊA PHƯƠNG VÀ QUỸ DỰ TRỮ TÀI CHÍNH

(Kèm theo Quyết định số 849/QĐ-UBND ngày 06/7/2026 của UBND xã Cao Minh)

Đơn vị: Đồng

STT	Nội dung	Dự phòng ngân sách địa phương			Dự phòng ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho địa phương			Quỹ dự trữ tài chính		
		Dự toán HĐND quyết định	Lũy kế đã sử dụng	Còn lại	Số NSTW bổ sung	Số đã phân bổ	Còn lại	Số dư đầu năm	Lũy kế đã sử dụng	Còn lại
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3=1-2</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6=4-5</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9=7-8</i>
	Tổng số	2.693.000.000	104.460.000	2.588.540.000						
1	Chi đầu tư phát triển									
2	Chi thường xuyên	2.693.000.000	104460000	2.588.540.000						

KẾT QUẢ PHÂN BỐ SỬ DỤNG SỐ TĂNG THU SO VỚI DỰ TOÁN, DỰ TOÁN CHI CÒN LẠI

(Kèm theo Quyết định số 849/QĐ-UBND ngày 06/7/2026 của UBND xã Cao Minh)

Đơn vị: Đồng

STT	Nội dung	Tổng số	Trong đó	
			Số tăng thu so với dự toán	Dự toán chi còn lại
<i>A</i>	<i>B</i>	$l=2+3$	<i>2</i>	<i>3</i>
	Tổng số	Không có		
1	Giảm bội chi, tăng chi trả nợ			
2	Bổ sung tăng dự phòng ngân sách và quỹ dự trữ tài chính			
3	Bổ sung nguồn thực hiện chính sách tiền lương			
4	Chi đầu tư một số dự án quan trọng			
5	Thực hiện một số chính sách an sinh xã hội			
6	Thường vượt dự toán thu hoặc hỗ trợ ngân sách cấp dưới hụt thu			